

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2017/HSST

Ngày: 31/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huy;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Um và ông Đinh Xuân Hậu;
- *Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.
- *Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Ông rô Đăm Quyết - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ, Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2017/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn C** (tên gọi khác: Phạm Văn X), sinh ngày 02/4/1996; tại xã D, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn K, xã D, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Dân tộc: Hre; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: không nghề; Con ông Phạm Văn X (sinh năm 1972) và bà Phạm Thị M (sinh năm 1973); Vợ, con: chưa có; Tiền sự, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 26/4/2016 đến ngày 23/8/2016 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo bị bắt tạm giam lại từ ngày 26/8/2017 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Văn T** (tên gọi khác: Phạm Văn Tr), sinh ngày 20/4/1998; tại xã G, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn K, xã G, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Dân tộc: Hre; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không nghề; Con ông Phạm Văn B (sinh năm 1972) và bà Phạm Thị T (sinh năm 1973); Vợ, con: chưa có; Tiền sự, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 08/5/2016 đến ngày 04/9/2016 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo bị bắt tạm giam lại từ ngày 23/8/2017 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Phạm Văn T1**, sinh ngày 01/4/1999; tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Dân tộc: Hre; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không nghề; Con ông Phạm Văn B (sinh năm 1978) và bà Phạm Thị T (sinh năm 1981); Vợ, con: chưa có; Tiền

sự, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 24/8/2017 đến cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Phạm Văn L**, sinh ngày 15/02/1997; tại xã G, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn G, xã G, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Dân tộc: Hre; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Không nghề; Con ông Phạm Văn X (sinh năm 1973) và bà Phạm Thị B (sinh năm 1979); Vợ, con: chưa có; Tiền sự, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 20/6/2016 đến ngày 17/10/2016 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo bị bắt tạm giam lại từ ngày 23/8/2017 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Phạm Văn B**, sinh ngày 21/9/1996; tại xã Cung, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Dân tộc: Hre; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Không nghề; Con ông Phạm Văn K (sinh năm 1974) và bà Phạm Thị M (sinh năm 1976); Vợ, con: chưa có; Tiền sự, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 20/6/2016 đến ngày 17/9/2016 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo bị bắt tạm giam lại từ ngày 24/8/2017 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Phạm Văn T2**, sinh ngày 16/7/1993; tại xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Dân tộc: Hre; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Nông; Con ông Phạm Văn D (sinh năm 1960) và bà Phạm Thị D (sinh năm 1967); Vợ, con: chưa có; Tiền sự, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 24/8/2016 đến cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn T2: Ông Nguyễn Xuân P, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, (Vắng mặt, có bản bào chữa và có đơn xin xét xử vắng mặt)

* Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn B, Phạm Văn T1: Bà Nguyễn Thị Thanh T, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi (có mặt)

*** Các bị hại:**

1. Ah Đinh Văn T, sinh năm 1990; (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn H, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ah Lê Quốc H, sinh năm 1986; (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1965; (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Anh Nguyễn T, sinh năm 1980; (Có mặt)

5. Ông Trần Thanh A, sinh năm 1969; (Có mặt)

6. Ah Trần Quang V, sinh năm 1983; (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Thôn N, xã Dinh, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Ah Phạm Văn L, sinh năm 1990; (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Ah Phạm Văn H, sinh năm 1983; (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn K, xã G, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ah Bùi Đình H, sinh năm 1980; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ah Lê Quốc N, sinh năm 1985; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1972; (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn K, xã G, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1979; (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn K, xã G, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1960; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Ah Phạm Văn D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2001; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn K, xã D, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi tạm trú: Trường giáo dưỡng, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

*** Người đại diện hợp pháp:**

Người đại diện hợp pháp của Phạm Văn D: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1979 (là mẹ đẻ của Phạm Văn D), (Có mặt)

Cư trú: Thôn K, xã D, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

*** Người phiên dịch:** Ông Phạm Văn X, Công tác tại Phòng Văn hóa thông tin huyện Ba Tơ (*phiên dịch tiếng Hre cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa*). (Có mặt)

NHẬN THẤY

Các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Văn L, Phạm Văn B, Phạm Văn T2 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào tối ngày 28/02/2016, sau khi tổ chức ăn nhậu tại thị trấn Ba Tơ, Phạm Văn D rủ Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn L đến nhà ông Nguyễn T trộm cắp tài sản, được tất cả đồng ý; Sau đó, T điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát (BKS) 76K1-014.85 (của ông Phạm Văn B là cha ruột của T) chở D, còn L

điều khiển xe mô tô BKS 76G1-159.67 (của Phạm Văn C là cha dượng của L) chở C đi lên xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ. Khi đến cầu bắc qua sông Tô thuộc thôn Nước Lang, xã Ba Dinh thì tất cả dừng lại, D phân công T, L ở trên cầu giữ xe và canh chừng, còn D cùng C đi bộ vòng ra sau nhà ông T. Khi đến nhà ông T, D luồn ngón tay qua khe hở và khều chốt sắt để mở cửa đi vào trong nhà, sau khi vào trong nhà, khi đến phòng ngủ của vợ chồng ông T, D nhìn thấy ông T cùng vợ con đang ngủ rồi nhẹ nhàng đi đến bên tủ nhựa tìm tài sản thì nhìn thấy 01 điện thoại di động hiệu Maxtel, D cầm lấy rồi tiếp tục lục lọi và lấy số tiền 1.950.000đồng để trên tủ. Khi lấy tiền và điện thoại xong, D và C đi ra ngoài bằng đường cũ rồi đến chỗ T và L. Số tiền trộm cắp trên, D chia cho mỗi người 400.000đồng, còn điện thoại di động hiệu Maxtel D đưa cho C giữ, sử dụng và đã bán lại cho người khác (không xác định được tên, địa chỉ) với giá 400.000đồng. Số tiền còn lại 350.000 đồng D và các bị cáo đã tiêu xài hết.

Vào đêm ngày 01/3/2016, khi uống rượu tại bờ kè thị trấn Ba Tơ (không xác định được thời gian cụ thể), D tiếp tục rủ C, T, L đến nhà ông Nguyễn T để trộm tài sản, cả bốn đồng ý. Khoảng 23 giờ cùng ngày, D, C, T, L cùng đi trên 02 xe mô tô: 01 xe mô tô BKS 76G1 – 159.67 và 01 xe mô tô của C (không rõ BKS) đi đến đoạn cầu bắc qua sông Tô, xã Ba Dinh thì dừng lại. Tại đây, D phân công T và C đứng ở ngoài để giữ xe và canh chừng, còn L và D đột nhập vào nhà ông T bằng cửa sau nhà bếp. Sau khi mở cửa xong D và L đi đến buồng nơi vợ chồng ông T ngủ, D lấy con heo đất và cùng L đi ra ngoài, D và L đến chỗ C và T đang đứng chờ rồi cùng nhau chạy xuống cầu Ba Chùa đập con heo đất ra đếm được 2.100.000 đồng, số tiền này D và các bị cáo chia nhau mỗi người 500.000 đồng, số tiền còn lại 100.000 đồng đã cùng nhau ăn nhậu hết.

Tiếp đến, vào đêm 19/03/2016, Phạm Văn T điều khiển xe mô tô BKS 76K1 - 014.85 chở D và C xuống thị trấn Ba Tơ đến khoảng 23 giờ thì về, khi đi đến cầu bắc qua sông Tô rẽ về hướng xã Ba Giang, gần nhà ông Trần Thanh A ở thôn Nước Lang, xã Ba Dinh thì 03 người dừng xe lại, Phạm Văn D phân công T đứng trên cầu giữ xe và canh chừng, D và C đi vào trong nhà ông A, khi vào trong nhà D trực tiếp lấy điện thoại di động hiệu OPPO R7 và lấy số tiền 2.004.000 đồng rồi đi đến chỗ T đang đứng và chia số tiền trộm cắp cho mỗi người được 500.000đồng, số tiền còn lại D cất để hôm sau trả tiền ăn nhậu chung. Còn điện thoại di động hiệu OPPO R7 trộm cắp được D đưa cho C giữ, sử dụng hiện đã hỏng không sử dụng được nên Phạm Văn C vứt bỏ.

Đến ngày 27/3/2016, trong lúc nhậu tại quán của ông Nguyễn T, ở xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ thì D tiếp tục rủ C, T, L đi đến nhà ông Trần Quang V tiệm sửa xe Honda để trộm cắp tài sản, cả bốn đồng ý. Khi đi, L, T điều khiển 02 xe mô tô (BKS 76G1–159.67, BKS 76K1–014.85) chạy ra hướng đường Quốc lộ 24 ngA qua nhà ông Trần QuA Vinh ở thôn Nước Lang, xã Ba Dinh thì tất cả dừng xe lại quA sát thấy ông V đang sửa xe phía trước nhà. T và L ở ngoài đường giữ xe và canh chừng, còn D và C đi vòng ra sau nhà ông V, rồi trèo qua hàng rào lưới B40 đi đến cửa sau nhà bếp. Khi vào trong nhà, D và C lên

phòng khách nhìn thấy 01 điện thoại di động hiệu Oppo Neo3 thì D lấy điện thoại rồi cùng C đi ra ngoài. Cả bốn người mang điện thoại vừa lấy trộm được đem đến tiệm điện thoại di động Quốc H ở tổ dân phố Đ, thị trấn B cầm được 200.000 đồng và sử dụng số tiền này để ăn nhậu chung.

Ngoài 04 vụ trộm cắp tài sản trên, Cơ quan cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện Ba Tơ đã phát hiện, làm rõ các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn D, Phạm Văn T, Phạm Văn H, Phạm Văn T1, Phạm Văn B, Phạm Văn L còn thực hiện các vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện Ba Tơ, cụ thể:

Vào trưa ngày 14/11/2014, trong lúc ăn nhậu cùng nhau tại quán thịt trâu gần cổng Trung tâm y tế huyện Ba Tơ, Phạm Văn D rủ Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Văn H, Phạm Văn L, Phạm Văn B vào trong bệnh viện trộm cắp xe mô tô mang đi bán lấy tiền tiêu xài, được tất cả đồng ý. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Phạm Văn D phân công Phạm Văn B, Phạm Văn T1, Phạm Văn H ở ngoài giữ xe và canh chừng, còn Phạm Văn D, Phạm Văn L, Phạm Văn Chắt, Phạm Văn T trực tiếp đột nhập vào khu để xe của người nhà bệnh nhân để lấy trộm xe mô tô, khi đi tới nhà để xe bệnh viện thì Phạm Văn D đến chỗ vị trí dựng xe mô tô hiệu Supper Dream màu sơn nâu BKS 76M1 – 027.00 của anh Đinh Văn T, ở Làng Huy, xã Ba Vinh, Ba Tơ rồi lén lút dắt ra ngoài cổng, sau đó cả bọn mang xe mô tô đi bán tại tiệm sửa xe Quốc Nhân, ở Tổ dân phố Nam Hoàn Đồn được 3.000.000đ (Ba triệu đồng) đem chia nhau (các bị cáo đều không nhớ số tiền được chia là bao nhiêu) và số tiền đó đã trả tiền ăn nhậu chung hết.

Đến ngày 09/01/2015, Phạm Văn D, Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn T1 gặp nhau và nhậu tại quán bia hơi ở ngã ba đường đi Ba Bích (không rõ tên quán), trong lúc ngồi nhậu Phạm Văn D rủ Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn T1 tối hôm nay sẽ đi trộm cắp điện thoại di động Quốc H, ở tổ dân phố Đá Bàn, thị trấn Ba Tơ. Nhậu xong, Phạm Văn T điều khiển xe mô tô BKS 76K1 - 014.85 chở Phạm Văn D, Phạm Văn C, Phạm Văn T1 đến tiệm Internet Khánh Linh, ở Tổ dân phố Đá Bàn để chơi game. Chơi đến khoảng 22 giờ Phạm Văn T điều khiển xe mô tô chở Phạm Văn T1, Phạm Văn C, Phạm Văn D xuống bờ kè, thị trấn Ba Tơ tiếp tục nhậu, đến khoảng 0 giờ ngày 10/01/2015, D và các bị cáo tiếp tục mua rượu đem đến cầu xã Ba Chùa, Ba Tơ và uống. Sau khi uống rượu xong Phạm Văn D, Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn T1 để xe trên cầu Ba Chùa rồi đi bộ đến tiệm điện thoại Quốc H (cách cầu Ba Chùa khoảng 300m). Khi đến nơi, Phạm Văn T đứng ở khu vực bàn bida trước cửa tiệm để canh chừng, còn Phạm Văn D, Phạm Văn C, Phạm Văn T1 đi vòng ra phía sau nhà đến cửa kho của cửa hàng điện thoại. Phạm Văn T1 lấy tay luồn vào khe hở của cửa, rồi dùng ngón tay hất chốt cửa lên để cửa mở ra. Sau khi mở được cửa thì D, C, T1 đi vào bên trong tiệm nơi Quốc H trưng bày điện thoại lấy 65 chiếc điện thoại di động các loại rồi đi ra ngoài thì Phạm Văn C và Phạm Văn T1 phát hiện trong tiệm còn có 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius BKS 76K1- 056.26 Phạm Văn T1 dắt xe đi ra ngoài dựng gần bàn bida cùng với Phạm Văn D đi bộ đến cầu Ba Chùa lấy xe mô tô của Phạm Văn T; Phạm Văn C và Phạm Văn T dắt chiếc xe vừa trộm được đi

lên quốc lộ 24 (cách tiệm điện thoại Quốc H 100m) rồi tìm cách khởi động chiếc xe nhưng không nổ; lúc này Phạm Văn D và Phạm Văn T1 chạy xe đến chỗ Phạm Văn T và Phạm Văn C đang đứng, cùng tìm cách nổ máy xe nhưng vẫn không được. Do sợ bị phát hiện nên cả bọn bỏ chiếc xe lại, số điện thoại trộm được D và các bị cáo bán cho các tiệm ở nhiều nơi không xác định được tên tiệm và địa chỉ cụ thể

Vụ tiếp theo, vào tháng 11/2015, trong khi đang nhậu tại quán bà Thủy, ông Nở ở bờ kè thị trấn Ba Tơ, Phạm Văn D tiếp tục rủ Phạm Văn T, Phạm Văn C, Phạm Văn L, Phạm Văn B, Phạm Văn T1, Phạm Văn H đi đến khu vực Chợ mới thị trấn Ba Tơ xem nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản thì cả nhóm đồng ý. Khi nhậu xong (không xác định được giờ), nhóm chia làm 03 xe (01 xe của T BKS 76K1 – 014.85, 01 xe của L BKS 76G1 - 159.67 và 01 xe của B không rõ BKS vì hiện nay xe đã bán cho người khác) chở nhau đến khu vực nói trên để trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà ông Nguyễn Minh L ở đường 11/3, thị trấn Ba Tơ gần khu vực chợ mới, cả bọn nhìn thấy cửa nhà ông Nguyễn Minh L không đóng nên tất cả dừng xe lại. Phạm Văn H, Phạm Văn T, Phạm Văn L, Phạm Văn T1, Phạm Văn C đứng ngoài đường canh chừng và giữ xe, còn Phạm Văn D và Phạm Văn B đi vào trong khuôn viên nhà ông L. Đến cửa nhà ông L, Phạm Văn D đi vào bên trong nhà quA sát, tìm kiếm và lấy được 01 điện thoại di động Nokia 305 rồi đi ra cửa đưa cho Phạm Văn B cầm, D tiếp tục quay vào trong nhà lấy 01 máy tính xách tay laptop hiệu Dell 3535-I5, màu đen; 01 máy tính bảng hiệu Lenovo TAB A7-30; 01 điện thoại di động hiệu Masstel N401 ôm trong người phủ áo lại và đi ra ngoài. Khi đã thực hiện xong hành vi trộm cắp tài sản, tất cả đi về ngủ, hôm sau Phạm Văn D mang số tài sản trộm cắp trên đến tiệm điện thoại di động Quốc H, ở tổ dân phố Đá Bàn, thị trấn Ba Tơ bán và sử dụng số tiền này phục vụ tiêu xài, ăn nhậu chung (các bị cáo không nhớ số tiền bán tài sản trộm cắp được là bao nhiêu).

Tiếp đến ngày 10/01/2016, khi đAg nhậu tại quán của vợ chồng ông Lan, bà Túc ở đường 3/2 thuộc Tổ dân phố Nam Hòa Đôn, thị trấn Ba Tơ thì Phạm Văn D rủ Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn L, Phạm Văn H và Phạm Văn B đi vào xã Ba Lể tìm xe mô tô để trộm cắp, cả bọn đều đồng ý thực hiện. Khi đi, Phạm Văn B điều khiển xe mô tô của mình, phía sau chở Phạm Văn H và Phạm Văn C (bị cáo không nhớ biển số xe, hiện nay xe đã bán cho người khác); Phạm Văn L điều khiển xe của cha dượng là Phạm Văn C (BKS 76G1-15967) chở Phạm Văn D; Phạm Văn T điều khiển xe mô tô BKS 76K1-014.85 chạy phía sau. Khi đến đoạn quán thịt trâu của bà Hồng, ở Tổ dân phố Kon Dung, thị trấn Ba Tơ (gần sân vận động huyện Ba Tơ) thì gặp Phạm Văn T1 đAg đi bộ nên Phạm Văn T, Phạm Văn L, Phạm Văn D dừng xe lại và rủ Phạm Văn T1 cùng đi vào xã Ba Lể tìm xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài, Phạm Văn T1 đồng ý và ngồi sau xe máy do Phạm Văn T điều khiển. Cả bọn gặp nhau tại cầu Sông Liên gần ngã ba đường đi Ba Nam - Ba Lể rồi cùng đi vào thôn Bãi Lể, xã Ba Lể, Ba Tơ. Trên đường đi đến thôn Bãi Lể, Ba Lể cả nhóm phát hiện một chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Taurus BKS 76K1 - 05127 của ông Phạm Văn Lể, ở thôn Bãi Lể, Ba Lể đang dựng bên đường, chìa khóa xe để sẵn trên ổ

khóa điện nên cả nhóm dừng xe lại. Lúc này Phạm Văn D bước xuống xe đi đến vị trí dựng chiếc xe máy rồi dắt bộ đi một đoạn nhằm tránh bị chủ xe phát hiện rồi giao xe cho Phạm Văn C điều khiển chở Phạm Văn H, sau đó chiếc xe này bán tại Thạch Trụ, xã Đức Lĩnh, Mộ Đức cho tiệm sửa xe bên đường (không nhớ rõ tên tiệm) với giá 9.000.000đ (Chín triệu đồng), sau đó quay lại thị trấn Ba Tơ chia mỗi người 1.000.000đ (Một triệu đồng), số tiền còn lại 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tất cả cùng đi ăn nhậu hết.

Đối với Phạm Văn C, ngoài những lần thực hiện hành vi trộm cắp cùng đồng phạm thì Phạm Văn C cùng với Phạm Văn T2, ở Nước Tia, xã Ba Tiêu, huyện Ba Tơ đã trộm cắp 01 xe mô tô BKS 76K1 – 023.44 của ông Phạm Văn Hiều ở thôn Gò Khôn, xã Ba Giang, huyện Ba Tơ, khi thấy xe của ông Hiều để sẵn chìa khóa trên ổ khóa xe và chỉ cách chỗ ông H ngồi khoảng 100m; Sau đó T2 mang chiếc xe đến bán cho ông Bùi Đình H ở Km45, xã Ba Tô, huyện Ba Tơ, ông H có hỏi xe của ai và giấy tờ xe đâu thì T2 nói xe của T2 nhưng giấy tờ xe đã mất nên ông H tin tưởng mua xe với giá 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng), có viết giấy mua bán, ghi số chứng minh nhân dân của T2 và T2 ký vào giấy mua bán (nhưng hiện nay ông H không còn lưu giữ).

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 06/KL – HĐĐGTS ngày 13/5/2016 của Hội đồng định giá trị tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Ba Tơ xác định tài sản bị xâm hại 01 xe mô tô BKS 76K1 – 051.27 của ông Phạm Văn L ở thôn Bãi Lẻ, Ba Lẻ tại thời điểm tháng 01/2016 là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 10a/KL–HĐĐGTS ngày 19/7/2016 của Hội đồng định giá trị tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Ba Tơ xác định tài sản bị xâm hại 01 xe mô tô BKS 76M1 – 027.00 của ông Đình Văn T ở thôn Làng Huy, Ba Vinh tại thời điểm tháng 11/2014 là 16.800.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm ngàn đồng).

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 11a/KL–HĐĐGTS ngày 12/8/2016 của Hội đồng định giá trị tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Ba Tơ xác định tài sản bị xâm hại của ông Nguyễn Minh L ở tổ dân phố Bắc Hoàn Đôn, thị trấn Ba Tơ tại thời điểm tháng 11/2015 gồm: 01 chiếc laptop hiệu Dell 3531-I5 là 10.880.000đ; 01 chiếc máy tính bảng hiệu Lenovo TAB A7-30 là 3.040.000đ; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 305 là 1.760.000đ; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Masstel N401 là 600.000đ. Tổng giá trị bị xâm hại là: 16.280.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng).

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 07/KL–HĐĐGTS ngày 25/5/2016 của Hội đồng định giá trị tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Ba Tơ xác định tài sản bị xâm hại của ông Lê Quốc H gồm 65 chiếc điện thoại di động (dựa theo thống kê của bị hại) có giá trị tại thời điểm bị xâm hại tháng 01/2015 là 68.930.000đ (Sáu mươi tám triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng) và 01 chiếc mô tô BKS 76K1 – 056.26 có giá trị 17.000.000 đồng.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 12d/KL – HĐĐGTS ngày 26/8/2016 của Hội đồng định giá trị tài sản Tổ tụng hình sự huyện Ba Tơ xác định tài sản bị

xâm hại 01 điện thoại di động hiệu Maxtel của ông Nguyễn T ở thôn Nước LAg, Ba Dinh tại thời điểm tháng 02/2016 là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng).

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 12c/KL – HĐĐGTS ngày 26/8/2016 của Hội đồng định giá trị tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Ba Tơ xác định tài sản bị xâm hại 01 điện thoại di động hiệu Oppo R7 của ông Trần Thanh A ở thôn Nước Lang, Ba Dinh tại thời điểm tháng 3/2016 là 6.175.000đ (Sáu triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 12b/KL – HĐĐGTS ngày 26/8/2016 của Hội đồng định giá trị tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Ba Tơ xác định tài sản bị xâm hại 01 điện thoại di động hiệu Oppo Neo3 của ông Trần Quang V ở thôn Nước LAg, Ba Dinh tại thời điểm tháng 3/2016 là 1.600.00đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Căn cứ kết luận về việc định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự số 02 /KL – HĐĐGTS, ngày 10/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Ba Tơ, kết luận: Tài sản bị xâm hại: 01 chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 76K1 – 023.44; nhãn hiệu Deahan; số loại C100; màu sơn: Nâu; số máy: 001987; số khung: 001987, bị trộm cắp tại thôn Gò Khôn, Ba Giang vào ngày 12/9/2013 có giá trị tại thời điểm bị xâm hại tháng 9/2013 là: 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

Đối với bị cáo Phạm Văn H, Cơ quA CSĐT Công an huyện Ba Tơ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đến giai đoạn truy tố, bị cáo đã bỏ địa phương đi đến nay chưa xác định được ở đâu. Ngày 30/05/2017, cơ quA CSĐT Công an huyện Ba Tơ đã ra quyết định truy nã đối với bị cáo Phạm Văn H nhưng đến nay việc truy nã chưa có kết quả. Ngày 12/6/2017, Viện KSND huyện Ba Tơ đã ra quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị cáo Phạm Văn H.

Tại cáo trạng số 08/QĐ-VKS ngày 14 tháng 6 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ đã truy tố các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Theo điểm e Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Văn L, Phạm Văn B, Phạm Văn T2 về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm e, khoản 2 Điều 138, điểm p, khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn C** với mức án từ 24 tháng đến 36 tháng tù.

- Điểm e, khoản 2 Điều 138, điểm p, khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn T** với mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

- Khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn L** với mức án từ 16 tháng đến 20 tháng tù.

- Khoản 1 Điều 138, điểm p, khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn B** với mức án từ 14 tháng đến 18 tháng tù.

- Khoản 1 Điều 138, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 69, khoản 1 Điều 74, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn T1** với mức án từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

- Khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p, khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn T2** với mức án từ 08 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên buộc Phạm Văn D và các bị cáo phải bồi thường số tiền 147.539.000 đồng, cụ thể:

- Phạm Văn D phải bồi thường số tiền: 24.164.200 đồng;
- Phạm Văn C phải bồi thường số tiền: 26.464.200 đồng;
- Phạm Văn T phải bồi thường số tiền: 24.464.200 đồng;
- Phạm Văn T1 phải bồi thường số tiền: 24.164.200 đồng;
- Phạm Văn B phải bồi thường số tiền: 6.931.700 đồng;
- Phạm Văn L phải bồi thường số tiền: 6.931.700 đồng.

Về tAg vật vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng áp dụng Điều 76 Bộ luật TTHS, tuyên:

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 13.000.000^d (Mười ba triệu đồng) để đảm bảo cho việc thi hành án; *Số tiền trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tư đAg quản lý theo biên lai thu tiền số 00114 ngày 22/6/2017).*

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Hphone A180 màu đen, trắng, đỏ; số IMEI 357934058785519.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu đen, trên cổ áo có chữ Luu Duyen Made in Việt Nam.

Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T và Phạm Văn T2 đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Điểm e, Khoản 2 Điều 138, điểm p, khoản 1, Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn C** với mức án 30 tháng tù.

- Khoản 2 Điều 138, điểm p, khoản 1, Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn T** với mức án 24 tháng tù.

- Khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p, khoản 1, Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn T2** với mức án 12 tháng tù, cho hưởng án treo.

Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Văn L và Phạm Văn B đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội dAh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 138, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 69, khoản 1 Điều 74, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn T1** với mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

- Khoản 1 Điều 138, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn L** với mức án 16 tháng tù.

- Khoản 1 Điều 138, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn B** với mức án từ 10 tháng đến 14 tháng tù.

Ý kiến của bị hại:

- Ông Nguyễn T, ông Trần Thanh A và ông Trần Quang V, không yêu cầu Phạm Văn D và các bị cáo bồi thường giá trị tài sản đã bị trộm cắp.

- Ông Đinh Văn T, yêu cầu Phạm Văn D và các bị cáo C, T, T1, H, L, B bồi thường số tiền: 25.000.000đồng

- Ông Lê Quốc H, yêu cầu Phạm Văn D và các bị cáo C, T, T1 bồi thường số tiền: 68.930.000đồng

- Ông Nguyễn Minh L, yêu cầu Phạm Văn D và các bị cáo C, T, L, B, T1, H bồi thường số tiền: 16.280.000 đồng

- Ông Phạm Văn L, yêu cầu Phạm Văn D và các bị cáo C, T, L, B, T1, H bồi thường số tiền; 15.000.000 đồng.

- Ông Phạm Văn H, yêu cầu Phạm Văn C phải bồi thường số tiền 4.000.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*” như Cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

[1] Về tố tụng:

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn T2 là ông Nguyễn Xuân P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và đã gửi bản bào chữa cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Đình H, anh Lê Quốc N, ông Phạm Văn D, anh Phạm Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt, xét về sự vắng mặt của anh H, anh N, ông D, anh D không ảnh hưởng đến việc xét xử đồng thời ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng đều yêu cầu tiếp tục xét xử vụ án. Căn cứ theo quy định tại Điều 190, Điều 191 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2014 cho đến năm 2016, các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn L, Phạm Văn T1, Phạm Văn B đã thực hiện liên tiếp tổng cộng 08 vụ trộm cắp; Riêng Phạm Văn C cùng Phạm Văn T2 thực hiện 01 vụ trộm cắp vào năm 2013. Tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt là 148.139.000 đồng và 01 xe mô tô Biển số kiểm soát 76 K1-056.26 do không nổ được máy nên các bị cáo bỏ lại. Trong đó:

- Bị cáo Phạm Văn C là người đã thực hiện 09 vụ trộm cắp tài sản với tổng số tài sản mà bị cáo cùng với đồng phạm chiếm đoạt: 148.139.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu một trăm ba mươi chín ngàn đồng).

- Bị cáo Phạm Văn T cùng đồng bọn tham gia 08 vụ, với tổng thiệt hại về tài sản là 141.839.000 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu tám trăm ba mươi chín ngàn đồng).

- Bị cáo Phạm Văn T1 cùng đồng phạm tham gia 04 vụ. Tuy nhiên, thời điểm Phạm Văn T1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại Trung tâm y tế huyện Ba Tơ (ngày 14/11/2014) và tại tiệm điện thoại di động Quốc H (ngày 10/01/2015) khi chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, căn cứ theo khoản 02 Điều 12 Bộ luật Hình sự hành vi trộm cắp tài sản trong 02 vụ này của bị cáo không phải chịu trách nhiệm hình sự. Đối với 02 vụ trộm cắp tài sản mà Phạm Văn T1 cùng các bị cáo khác thực hiện tại nhà ông Nguyễn Minh L và tại thôn Bãi Lẻ, xã Ba Lẻ, huyện Ba Tơ khi đã đủ tuổi và có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, với tổng giá trị tài sản bị xâm hại là 24.780.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng).

- Bị cáo Phạm Văn L cùng đồng phạm tham gia 06 vụ trộm cắp tài sản, gây thiệt hại số tiền 47.730.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng).

- Bị cáo Phạm Văn B cùng đồng phạm tham gia 03 vụ trộm cắp tài sản, gây thiệt hại tài sản của người khác là: 41.580.000 đồng (Bốn mươi một triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng).

- Bị cáo Phạm Văn H cùng đồng phạm tham gia 03 vụ trộm cắp tài sản, tổng số tiền bị thiệt hại là: 41.580.000 đồng (Bốn mươi một triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng).

- Bị cáo Phạm Văn T2 cùng Phạm Văn C thực hiện 01 vụ trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 76K1-023.44 của ông Phạm Văn Hiếu ở thôn Gò Khôn, xã Ba Giang. Với tổng giá trị tài sản là 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản đối với người khác được pháp luật bảo vệ, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án, các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn L, Phạm Văn T1, Phạm Văn B thực hiện việc trộm cắp nhiều lần nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công bàn bạc, cấu kết chặt chẽ mà cùng nhau thực hiện tội phạm; Các bị cáo sử dụng số tiền trộm cắp vào mục đích tiêu xài cá nhân, đây là đồng phạm giản đơn và không có tính chất chuyên nghiệp. Hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự; Hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Văn L, Phạm Văn T1, Phạm Văn B được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; Bị cáo Phạm Văn T2 cùng với Phạm Văn C phạm tội trong vụ án khác nhưng Cơ quan điều tra đã nhập cùng một vụ án để giải quyết và Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo Phạm Văn T2 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Phạm Văn D khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tuy chưa đủ 18 tuổi, nhưng là người chủ động, tích cực và các bị cáo đều cùng nhau rủ rê thực hiện trộm cắp nên không áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm n, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự cho các bị cáo C, T, L, T1, B là phù hợp.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng do tính ăn chơi, coi thường pháp luật, để có tiền tiêu xài, thỏa mãn mục đích cá nhân nên các bị cáo đã thực hành vi trộm cắp. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo với hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

[4] Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo:

Đối với bị cáo Phạm Văn C: Bị cáo tham gia 09 vụ trộm cắp, cùng đồng phạm chiếm đoạt tài sản trị giá 148.139.000 đồng. Hành vi trộm cắp của bị cáo được thực hiện nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên cần áp dụng điểm p khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự, khi áp dụng hình phạt. Bị cáo C thực hiện tội phạm xuyên suốt, tích cực, do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Phạm Văn T: Trong vụ án, bị cáo đã tham gia 08 vụ trộm cắp, cùng đồng phạm chiếm đoạt tài sản 141.839.000 đồng. Hành vi trộm cắp của bị cáo được thực hiện tích cực, nhiều lần là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm

g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục răn đe. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả với số tiền 5.000.000đồng nên cần áp dụng điểm b, p khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự, xem xét khi áp dụng hình phạt.

Đối với bị cáo Phạm Văn L: Cùng đồng phạm tham gia 06 vụ trộm cắp, trị giá tài sản chiếm đoạt được là 47.730.000đồng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tích cực nhiều lần, là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục răn đe bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội gây ra với số tiền 8.000.000đồng nên áp dụng điểm b, p khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự, xem xét khi áp dụng hình phạt.

Đối với bị cáo Phạm Văn B: Trong vụ án, bị cáo đã tham gia 03 vụ trộm cắp, trị giá tài sản chiếm đoạt được là 41.580.000đồng. Hành vi trộm cắp của bị cáo được thực hiện nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian để tác dụng giáo dục, răn đe. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, nên cần áp dụng điểm p khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự khi áp dụng hình phạt với bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Văn T1: Bị cáo cùng đồng phạm tham gia 04 vụ trộm cắp (trong đó: có 02 vụ chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự), chiếm đoạt tài sản trị giá 24.780.000đồng. Bị cáo với vai trò giúp sức tích cực nhiều lần, là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục răn đe. Hiện nay, bị cáo đã thành niên nhưng cần áp dụng chính sách xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, nên cần áp dụng điểm b khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự khi áp dụng hình phạt.

Đối với bị cáo Phạm Văn T2: Bị cáo cùng Phạm Văn C thực hiện 01 vụ trộm cắp, trị giá tài sản chiếm đoạt 6.300.000đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả do hành vi của mình gây ra với số tiền 4.000.000đồng, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có khả năng tự cải tạo. Hội đồng xét xử xét thấy, việc tạm giam bị cáo một thời gian cũng đủ tác dụng, giáo dục, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội.

Đối với Phạm Văn D, thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chưa đủ 16 tuổi, nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự “Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”. Do đó, Cơ quan Điều tra Công an huyện Ba Tơ không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với Phạm Văn D là có cơ sở. Theo đề nghị của Công an huyện Ba Tơ, ngày 09 tháng 8 năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ đã quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng. Hiện nay, Phạm Văn D đã thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng số 01/2016/QĐ-TA thời gian chấp hành 18 (mười tám) tháng tại Trường giáo dưỡng số 3, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Đối với Phạm Văn H (cư trú: xã Ba Tô, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi) Cơ quan CSĐT Công An huyện Ba Tơ áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đến giai đoạn truy tố, Phạm Văn H đã đi khỏi địa phương chưa xác định được ở đâu. Ngày 30/05/2017, trên cơ sở yêu cầu truy nã của Viện KSND huyện Ba Tơ, cơ quan CSĐT Công An huyện Ba Tơ đã ra quyết định truy nã đối với Phạm Văn H nhưng đến nay việc truy nã chưa có kết quả. Ngày 12/6/2017, Viện KSND huyện Ba Tơ đã ra quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can Phạm Văn H.

Đối với Phạm Văn H, cư trú ở xã Ba Cung, huyện Ba Tơ; Phạm Văn Nhi, cư trú ở xã Ba Bích, huyện Ba Tơ cùng ăn nhậu với D và các bị cáo nhưng không tham gia trộm cắp tài sản nên cơ quan cảnh sát điều tra Công An huyện Ba Tơ không xử lý hình sự là đúng quy định của pháp luật.

*** Về bồi thường thiệt hại:**

- Người bị hại Phạm Văn T là chủ sở hữu xe mô tô BKS 76M1 - 027.00 bị trộm tại Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ, trong giai đoạn điều tra, anh Phạm Văn T có yêu cầu bồi thường số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) do mất xe trong thời gian dài và không có phương tiện đi lại để làm ăn. Tại phiên tòa, anh T yêu cầu bồi thường số tiền 16.800.000đồng; Hội đồng xét xử chấp nhận buộc các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn L, Phạm Văn T1, Phạm Văn B và Phạm Văn D, liên đới bồi thường cho anh T số tiền 16.800.000đồng theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản số 10a/KL-HĐĐGTS ngày 19/7/2016.

- Người bị hại Nguyễn Minh L (là chủ tài sản gồm 01 chiếc laptop hiệu Dell; 01 máy tính bảng hiệu Lenovo; 01 chiếc điện thoại Nokia 305; 01 chiếc điện thoại hiệu Masstel N401): yêu cầu các bị cáo phải đền bù tài sản đã bị mất bằng giá trị theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản là 16.280.000đồng. Yêu cầu của ông L là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn L, Phạm Văn T1, Phạm Văn B và anh Phạm Văn D, liên đới bồi thường cho ông L số tiền 16.280.000đồng.

- Người bị hại Lê Quốc H yêu cầu các bị cáo đã trộm cắp tài sản tại tiệm điện thoại Quốc H phải đền bù số tiền theo giá trị thành tiền của 65 chiếc điện thoại di động là 68.930.000 đồng. Yêu cầu của anh Lê Quốc H là phù hợp nên Hội đồng

xét xử chấp nhận, buộc các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn T1 và anh Phạm Văn D, liên đới bồi thường cho anh Lê Quốc H số tiền 68.930.000 đồng.

- Người bị hại Phạm Văn L là chủ sở hữu xe mô tô BKS 76K1 – 051.27 bị trộm cắp tại thôn Bãi Lẻ, xã Ba Lẻ có yêu cầu các bị cáo phải đền bù bằng tiền theo giá trị khi mua xe là 13.000.000 đồng và đền bù số tiền 2.000.000 đồng chi phí làm lại giấy phép lái xe đã bị mất khi để trong cốp xe. Tổng cộng 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh Phạm Văn L không đưa ra chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận buộc các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn L, Phạm Văn T1, Phạm Văn B và Ah Phạm Văn D, liên đới bồi thường cho anh L số tiền 8.500.000đồng theo kết luận định giá tài sản số 06/KL–HĐĐGTS ngày 13/5/2016 của Hội đồng định giá trị tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Ba Tơ.

- Người bị hại ông Nguyễn T, ông Trần Thanh A và ông Trần Quang V, không yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị tài sản đã bị trộm cắp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người bị hại Phạm Văn H là chủ chiếc xe mô tô BKS 76K1 – 023.44, trong giai đoạn điều tra, ông H yêu cầu Phạm Văn C và Phạm Văn T2 đền bù số tiền mất xe mô tô là 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Tại phiên tòa, anh Phạm Văn H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 6.300.000đồng; Hội đồng xét xử chấp nhận buộc các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T2, liên đới bồi thường cho anh H số tiền 6.300.000 đồng theo kết luận số 06/KL–HĐĐGTS ngày 13/5/2016 của Hội đồng định giá trị tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Ba Tơ. Bị cáo Phạm Văn T2 đã bồi thường cho anh H số tiền 4.000.000đồng và không yêu cầu bị cáo C phải hoàn trả số tiền chênh lệch nên buộc bị cáo Phạm Văn C phải tiếp tục bồi thường cho anh H số tiền 2.300.000đồng.

* Về vật chứng vụ án:

- Số tiền 13.000.000đồng, trong đó: Bị cáo Phạm Văn T khắc phục 5.000.000đồng, bị cáo Phạm Văn L khắc phục 8.000.000đồng; tiếp tục tạm giữ số để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Hphone A180 màu đen, trắng, đỏ; số IMEI 357934058785519 bị cáo Phạm Văn T1 sử dụng mà tài sản này do trộm cắp mà có, bị cáo phải bồi thường cho bị hại toàn bộ số tiền bị cáo và đồng phạm chiếm đoạt nên trả lại điện thoại di động cho bị cáo sử dụng là phù hợp.

- 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu đen, trên cổ áo có chữ Luu Duyen Made in Việt Nam của bị cáo Phạm Văn T mua từ tiền chia được trong việc phạm tội, xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Ý kiến trình bày của các Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

* Về án phí:

- Các bị cáo thuộc người đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn nhưng không có đơn đề nghị miễn, giảm tiền án phí sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Ông Phạm Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm so với số tiền yêu cầu không được chấp nhận: 325.000đồng (15.000.000đ – 8.500.000đ = 6.500.000đ x 5%)

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn L, Phạm Văn T1, Phạm Văn B, Phạm Văn T2 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng: Điểm e, khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn C 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2017; Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/4/2016 đến ngày 23/8/2016.

- Áp dụng: Điểm e, khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn T 24 tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 23/8/2017; Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 08/5/2016 đến ngày 04/9/2016.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48, khoản 1 Điều 74, Điều 69; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn T1 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2017.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn L 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2017; Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/6/2016 đến ngày 17/10/2016.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn B 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2017; Được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/6/2016 đến ngày 17/9/2016.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn T2 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án là ngày 31/8/2017. Giao bị cáo Phạm Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã Ba Tiêu, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phạm Văn T2 đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

- Việc bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, các Điều 288, 584, 585, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự:

+ Buộc Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn L, Phạm Văn T1, Phạm Văn B và anh Phạm Văn D, liên đới bồi thường cho anh Đinh Văn T số tiền 16.800.000^d (mười sáu triệu tám trăm ngàn đồng); mỗi người phải chịu 2.800.000^d (hai triệu tám trăm ngàn đồng).

+ Buộc Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn L, Phạm Văn T1, Phạm Văn B và anh Phạm Văn D, liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Minh L số tiền 16.280.000^d (mười sáu triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng); mỗi người phải chịu 2.715.000^d (hai triệu bảy trăm mười lăm ngàn đồng).

+ Buộc Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn T1 và Phạm Văn D, liên đới bồi thường cho anh Lê Quốc H số tiền 68.930.000^d (sáu mươi tám triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng); mỗi người phải chịu 17.232.500^d (mười bảy triệu hai trăm ba mươi hai ngàn năm trăm đồng).

+ Buộc Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn L, Phạm Văn T1, Phạm Văn B và anh Phạm Văn D, liên đới bồi thường cho anh Phạm Văn L số tiền 8.500.000^d (tám triệu năm trăm ngàn đồng); mỗi người phải chịu 1.416.700^d (một triệu bốn trăm mười sáu ngàn bảy trăm đồng).

+ Buộc Phạm Văn C phải bồi thường cho anh Phạm Văn H số tiền 2.300.000^d (hai triệu ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp Phạm Văn D không đủ tài sản để bồi thường thì bà Phạm Thị Đ (Mẹ ruột của D) phải bồi thường số tiền còn thiếu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quA thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 13.000.000^d (Mười ba triệu đồng) để đảm bảo cho việc thi hành án; *Số tiền trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tư đang quản lý theo biên lai thu tiền số 00114 ngày 22/6/2017).*

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Hphone A180 màu đen, trắng, đỏ, số IMEI 357934058785519.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu đen, trên cổ áo có chữ Luu Duyen Made in Việt Nam.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/6/2017).

- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Án phí hình sự sơ thẩm:

Các bị cáo Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn L, Phạm Văn T1, Phạm Văn B, Phạm Văn T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (hai trăm ngàn đồng).

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Phạm Văn D phải chịu số tiền 1.208.000^d (một triệu hai trăm lẻ tám ngàn đồng); Phạm Văn C phải chịu số tiền 1.323.000^d (một triệu ba trăm hai ba ngàn đồng); Phạm Văn T phải chịu số tiền 1.208.000^d (một triệu hai trăm lẻ tám ngàn đồng); Phạm Văn L phải chịu số tiền 347.000^d (ba trăm bốn mươi bảy ngàn đồng); Phạm Văn T1 phải chịu số tiền 1.208.000^d (một triệu hai trăm lẻ tám ngàn đồng); Phạm Văn B phải chịu số tiền 347.000^d (ba trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

- Ông Phạm Văn L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm so với yêu cầu không được chấp nhận 325.000^d (ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng)

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Công A huyện Ba Tơ;
- UBND xã Ba Tiêu, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Người bị kết án;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Huy

